

Số: 564/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao thành phố, Quận 9 theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình về giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Báo cáo Kết luận số 659/BC-TTCP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về kết quả kiểm tra, xem xét việc khiếu nại của một số hộ dân về việc bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất làm dự án Khu công nghệ cao và nội dung tố cáo liên quan đến việc thu hồi, sử dụng đất tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh bổ sung Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn Quận 9;

Căn cứ Thông báo số 3123-TB/TU ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Kết luận số 467-KL/TU ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về chính sách hỗ trợ giải quyết khiếu nại liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu Công nghệ cao thành phố, Quận 9;

Căn cứ Thông báo số 1291/TB-VP ngày 09 tháng 12 năm 2019 về kết luận của tập thể Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung tại Dự án Khu Công nghệ cao thành phố;

Xét Công văn số 08/UBND-M ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận 9, Tờ trình số 97/TTr-UBND-TCTLN-M ngày 08 tháng 11 năm 2019, Tờ trình số 98/TTr-UBND-TCTLN-M ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Công văn số 4058/UBND-TCTLN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tổ Công tác liên ngành về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù, có khiếu nại, tố cáo tại dự án Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ;

Theo ý kiến thẩm định và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 21/STNMT-BTTĐC-M ngày 14 tháng 02 năm 2020, Công văn số 287/STNMT-BTTĐC-M ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công văn số 280/STNMT-BTTĐC-M ngày 12 tháng 12 năm 2019, Công văn số 267/STNMT-BTTĐC-M ngày 28 tháng 11 năm 2019 và Công văn số 269/STNMT-BTTĐC-M ngày 28 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao, Quận 9 theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 (theo danh sách đính kèm), như sau:

1. Về đơn giá bán nền đất tái định cư đối với các trường hợp được mua nền đất theo giá tái định cư (đã có VAT) tại Khu tái định cư Long Bửu 2 (phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ), khu nhà ở Khang Điền tại phường Phước Long B, Quận 9 và khu đất 4.000m² thuộc khu tái định cư Man Thiện, phân kỳ III tại phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 như sau:

+ Đường có lộ giới từ 16m trở lên: 1.200.000 đồng/m².

+ Đường có lộ giới dưới 16m: 1.000.000 đồng/m².

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp bị thu hồi toàn bộ, đủ điều kiện bồi thường với diện tích từ 500m² trở lên thì ngoài tiền bồi thường về đất nông nghiệp theo quy định, hộ dân được mua nền đất theo giá tái định cư với số m² nền tái định cư được mua tính quy đổi theo tỷ lệ 4,5% (100m² đất nông nghiệp được mua 4,5m² đất nền tái định cư). Phần diện tích chênh lệch (nếu có) giữa diện tích nền đất tại khu tái định cư hộ dân được bố trí và số m² diện tích nền tái định cư được mua, hộ dân sẽ thanh toán theo đơn giá bằng giá tái định cư nhân (x) hệ số 1,2 lần.

Chính sách này chỉ áp dụng đối với các trường hợp chưa được giải quyết mua căn hộ chung cư theo Khoản 7 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo

Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 và Công văn số 924/UBND-ĐT ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giải quyết mua căn hộ chung cư theo Khoản 7 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố, nhưng do trước đây chưa có căn hộ chung cư nên đã được chuyển sang bố trí bằng nền đất thì nay được xem xét giải quyết chính sách này và căn trừ diện tích nền đất đã nhận trước đây.

Hộ gia đình, cá nhân khi mua nền đất theo chính sách này thì không xem xét hỗ trợ đất nông nghiệp (theo quy định tại Công văn số 3194/UBND-ĐTMT ngày 29 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố), không giải quyết mua căn hộ chung cư (theo Khoản 7 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 và Công văn số 924/UBND-ĐT ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố).

3. Hộ gia đình, cá nhân thuộc các trường hợp sau nếu trước đây chỉ được xem xét giải quyết mua 01 nền đất tái định cư (hoặc 01 căn hộ chung cư) đối với đất ở thì được giải quyết bán thêm 01 nền đất theo giá tái định cư:

a) Người có công với Cách mạng (theo quy định tại Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản điều chỉnh, bổ sung có liên quan) có diện tích đất ở bị thu hồi từ 200m² trở lên (không bao gồm phần diện tích đất lấn chiếm).

b) Phần diện tích đất bị thu hồi có khuôn viên lớn hơn 200m², có diện tích xây dựng nhà và các công trình phục vụ sinh hoạt lớn hơn 200m².

c) Tổng diện tích đất bố trí tái định cư (gồm diện tích đã bố trí và diện tích bố trí thêm) không vượt quá 200m² (đối với người có công với cách mạng là 250 m²) và không vượt quá diện tích đất ở được tính bồi thường, hỗ trợ (không bao gồm phần diện tích đất lấn chiếm).

d) Trường hợp do quy hoạch lô nền mà tổng diện tích đất bố trí tái định cư hộ dân được nhận lớn hơn 200m² (đối với người có công với cách mạng là 250m²) thì phần diện tích chênh lệch hộ dân sẽ thanh toán theo đơn giá bằng giá tái định cư nhân (x) hệ số 1,2 lần theo quy định tại Khoản 1 Công văn số 3867/UBND-ĐTMT ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Diện tích đất làm cơ sở tính hỗ trợ theo Khoản 1 Công văn số 3867/UBND-ĐTMT ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với trường hợp người bị thu hồi đất là người có công với Cách mạng (theo quy định tại Quyết định số 118-TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản điều chỉnh, bổ sung có liên quan) là 250m².

Số tiền hỗ trợ bù chênh lệch phát sinh do điều chỉnh diện tích của các trường hợp này (nếu có) sẽ được tính hỗ trợ chậm chi trả như sau:

- Từ ngày 25 tháng 6 năm 2007 (ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 3867/UBND-ĐTMT) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015: Tính lãi suất theo Công văn 2618/UBND-ĐTMT ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước đây: Được thanh toán 01 khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên tổng số tiền hỗ trợ bù chênh lệch phát sinh cộng với lãi suất đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tính hỗ trợ đất ở đối với các trường hợp hộ dân sử dụng đất:

- Có nhà xây dựng không phép trước ngày 22 tháng 4 năm 2002, đã bị xử phạt về xây dựng, buộc tháo dỡ toàn bộ công trình nhưng không thực hiện tháo dỡ.

- Tại thời điểm kiểm kê hiện trạng đất không có nhà nhưng theo tài liệu bản đồ địa chính số năm 2003 thể hiện trên đất có nhà và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận thực tế hộ dân có xây dựng nhà trước ngày 22 tháng 4 năm 2002.

- Tự chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang làm nhà ở sau ngày 22 tháng 4 năm 2002 đến trước ngày 01 tháng 07 năm 2004.

- Diện tích đất ở để tính hỗ trợ là diện tích đất thu hồi nhưng không quá hạn mức đất ở ($200\text{m}^2/\text{hộ}$), không tính đối với phần diện tích đất chiếm dụng.

- Số tiền hỗ trợ phát sinh (nếu có) do áp dụng chính sách tại Khoản 5 này sẽ được hỗ trợ chậm chi trả như sau:

- Từ ngày Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đầu tiên của hộ dân đến ngày 31 tháng 12 năm 2015: Tính lãi suất theo Công văn 2618/UBND-ĐTMT ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày Ủy ban nhân dân quận 9 ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước đây: Được thanh toán 01 khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên tổng số tiền hỗ trợ bù chênh lệch phát sinh cộng với lãi suất đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Các trường hợp sử dụng đất ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (trừ trường hợp lấn chiếm), bị thu hồi toàn bộ nhà ở, đất ở và phải di chuyển chỗ ở thì được giải quyết bố trí 01 nền đất theo giá tái định cư nêu tại khoản 1 trên, không áp dụng các chính sách về bố

trí căn hộ chung cư, nền đất tái định cư quy định tại Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản điều chỉnh, bổ sung có liên quan.

Trường hợp diện tích đất ở được hỗ trợ lớn hơn diện tích nền tái định cư được bố trí thì phần diện tích chênh lệch (chưa đủ) hộ dân sẽ được nhận bằng tiền theo mức giá để tính bù chênh lệch là 2.700.000 đồng/m² (tổng diện tích nền tái định cư hộ dân được bố trí không được vượt quá hạn mức đất ở và không được vượt quá diện tích hỗ trợ đất ở đối với hộ dân).

7. Trường hợp hộ dân có nhiều hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án thì giải quyết chính sách hỗ trợ đặc thù theo từng hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với từng hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ gia đình, cá nhân, nếu có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong phạm vi phần diện tích 40,997ha (đã được Thanh tra Chính phủ xác định là nằm trong ranh quy hoạch dự án Khu công nghệ cao) thì hộ gia đình, cá nhân lựa chọn 01 trong 02 phương án sau:

+ Phương án 1: Áp dụng theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích 40,997ha cho phần diện tích nằm trong phạm vi phần diện tích 40,997ha; phần diện tích còn lại ngoài phạm vi phần diện tích 40,997ha thì áp dụng theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản điều chỉnh, bổ sung có liên quan, không áp dụng theo chính sách hỗ trợ bổ sung quy định tại Quyết định này.

+ Phương án 2: Áp dụng theo chính sách hỗ trợ bổ sung quy định tại Quyết định này.

8. Đối với các trường hợp có đơn đề nghị tách hồ sơ bồi thường:

Giao Ủy ban nhân dân quận 9 phối hợp Tổ Công tác liên ngành rà soát từng hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể của từng trường hợp, xem xét giải quyết bán thêm nền đất tái định cư theo giá tái định cư cho hộ dân. Việc giải quyết phải đảm bảo lợi ích hợp pháp của hộ dân, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

9. Về bố trí nền tái định cư:

Giao Ủy ban nhân dân quận 9 căn cứ vị trí thu hồi đất; diện tích đất ở bị thu hồi; diện tích đất nông nghiệp được quy đổi; diện tích các nền đất tại các khu tái định cư; điều kiện, hoàn cảnh của từng trường hợp để chủ động xem xét bố trí nền tái định cư phù hợp, trong đó ưu tiên các hộ gia đình có công Cách mạng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận 9 khẩn trương triển khai thực hiện việc hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu

công nghệ cao thành phố, Quận 9 theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ theo đúng chính sách quy định tại Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc ngoài thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 - Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập trong Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu công nghệ cao thành phố tại quận 9 thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản điều chỉnh, bổ sung có liên quan.

Điều 4. Ban Chỉ đạo Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên Tổ Công tác liên ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- PTTg Thường trực Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp; Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VPUB: Các CPVP;
- Các Phòng ĐT, DA, KT, VX, TH (5);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (ĐT/Tr). 36

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan

DANH SÁCH 49 TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ
 (Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
01	Hộ Hồ Ngọc Liên (Trần Lực)	- Địa chỉ thường trú: 16 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3 - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 8, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
02	Hộ Hồ Thanh	- Địa chỉ thường trú: 488 Lê Quang Định, Phường 11, Q. Bình Thạnh - Địa chỉ kiểm kê: 15/340 KP4, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
03	Hộ Bùi Thị Lệ Trinh	- Địa chỉ thường trú: 5/162 KP5, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 3, KP4, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
04	Hộ Phạm Văn Ngọc (có 02 hồ sơ): - Hồ sơ 1: - Hồ sơ 2:	- Địa chỉ thường trú: 637 (12/85) khu phố 5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 637 (12/85) khu phố 5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
05	Hộ Nguyễn Cẩm Vân	- Địa chỉ thường trú: 641(12/85B) khu phố 5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 641 khu phố 5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
06	Hộ Phạm Ngọc Sương	- Địa chỉ thường trú: 12/85A Lê Văn Việt, KP5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 12/85A Lê Văn Việt, KP5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
07	Hộ ông Lê Xuân Hồng	- Địa chỉ thường trú: 260/5A Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 2, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
08	Hộ Nguyễn Thanh Hùng	- Địa chỉ KT3: không số, tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: không số, tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.

09	Hộ Nguyễn Thị Hồng Sương	- Địa chỉ thường trú: 175/1 Man Thiện, Tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: 175/1 Man Thiện, Tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
10	Hộ Nguyễn Văn Thanh	- Địa chỉ thường trú: 27 Lã Xuân Oai, khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
11	Hộ Phùng Thị Oanh (có 02 hồ sơ) - Hồ sơ 1: - Hồ sơ 2:	- Địa chỉ thường trú: 813E Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, Quận 2 - Địa chỉ kiểm kê: 271 Lã Xuân Oai (số cũ: 14/387A tổ 3), KP4, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
12	Hộ Nguyễn Thị Gái	- Địa chỉ thường trú: 12/33 tổ 3, khu phố 5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 12/33 tổ 3, khu phố 5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
13	Hộ Vương Thị Viên	- Địa chỉ thường trú: 358A tổ 10, phường An Phú, Quận 2. - Địa chỉ kiểm kê: khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
14	Hộ Vương Thị Ngộ	- Địa chỉ thường trú: 288 Tổ 2, KP4, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 288 Tổ 2, KP4, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
15	Hộ Nguyễn Văn Chia	- Địa chỉ thường trú: 12/113 tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: 12/113 tổ 4, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
16	Hộ Trịnh Thị Minh Nguyệt	- Địa chỉ thường trú: 202/6 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh - Địa chỉ kiểm kê: 1/375B Bưng Ông Thoàn, tổ 8, KP3, P. TNPB, Q.9
17	Hộ Nguyễn Thị Huệ	- Địa chỉ thường trú: 637 KP5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: Không số, KP5, Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.

18	Hộ Nguyễn Thị Ngọc Thủy	- Địa chỉ thường trú: 637 (12/85) KP5, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: Không số, KP5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
19	Ông Phạm Tiến Duy (Địa chỉ thường trú: 38/12 Nguyễn Văn Trỗi, phường 15, quận Phú Nhuận) và ông Triệu Sĩ Truyền (địa chỉ thường trú 154/59/9 Phạm Văn Hai, phường 3 quận Tân Bình) đồng sở hữu.	- Địa chỉ kiểm kê: thửa 474, tờ bản đồ 03 (Tài liệu 02/CT-UB) phường Tăng Nhơn Phú
20	Hộ ông Hoàng Đức Quý (đã chết)	- Hộ khẩu thường trú tại thời điểm kiểm kê: Yên Thành, Ý Yên, Nam Định. - Địa chỉ kiểm kê: (KT3) không số, tổ 2, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Hộ khẩu thường trú hiện nay: 25/30B đường 3, tổ 6, KP. Phước Thiện, P.Trường Thạnh, Quận 9 (chung hộ khẩu với con từ năm 2012).
21	Hộ Phạm Thị Lan	- Địa chỉ thường trú: A11/8 Tổ 3, Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (năm 2012). Thời điểm kiểm kê chỉ có KT3 tại địa chỉ trên. - Địa chỉ kiểm kê: tại nhà không số, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
22	Hộ ông Nguyễn Thanh Tùng - bà Bùi Thị Bích Vân (có 4 hồ sơ): - Hồ sơ 1: - Hồ sơ 2: - Hồ sơ 3: - Hồ sơ 4: (hồ sơ được điều chỉnh từ hồ sơ hộ bà Trần Thị Tân)	- Địa chỉ thường trú : 14/291B khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 (9/30 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, quận Gò Vấp). - Địa chỉ kiểm kê: 14/291B khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: phường Long Thạnh Mỹ, quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: phường Long Thạnh Mỹ, quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: phường Long Thạnh Mỹ, quận 9
23	Hộ Huỳnh Quang Hải	- Địa chỉ thường trú: 61/63 Chu Văn An, phường 12, Q.Bình Thạnh.

		- Địa chỉ kiểm kê: 1/118F tổ 8, khu phố 3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
24	Hộ Nguyễn Thị Trúc Uyên. Hiện nay, bà Cẩm là mẹ bà Uyên đi khiếu nại	- Địa chỉ thường trú: 181 Đặng Văn Bi, tổ 6, khu phố 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. - Địa chỉ kiểm kê: không số tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
25	Hộ Trần Thị Ngọc	- Địa chỉ thường trú khi kiểm kê: 4/3 đường Lộ Đất, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (địa chỉ này theo hồ sơ có xác nhận đã bị giải tỏa). - Địa chỉ kiểm kê: (KT3): tổ 12, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
26	Hộ Trần Thị Thanh Thủy (ủy quyền Mã Thị Thu Ngân)	- Địa chỉ thường trú: 35 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh. - Địa chỉ kiểm kê: 1/307A tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
27	Hộ bà Phạm Thị Y Linh (bà Nguyễn Thị Liên đại diện)	- Địa chỉ thường trú: 5B Nguyễn Đình Chiểu, P.ĐaKao, Quận 1. - Địa chỉ kiểm kê: không số, tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9
28	Hộ Thị Tuyết (bà Nguyễn Thị Liên đại diện)	- Địa chỉ thường trú: 112 Nguyễn Thanh Tuyền, Phường 2, quận Tân Bình. - Địa chỉ kiểm kê: thửa đất số 1106, tờ bản đồ 09, TL02/CT-UB, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9
29	Hộ Huỳnh Thị Quận (bà Nguyễn Thị Liên đại diện)	- Địa chỉ thường trú: 44 khu phố 4, phường Phước Long B, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: thửa 1104, 1020, tờ bản đồ 9, TL02/CT-UB, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
30	Hộ bà Đào Thị Dậu	- Địa chỉ thường trú: 152/22B Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh. - Địa chỉ kiểm kê: KP4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
31	Hộ Phan Hồng Sơn - Nguyễn Hồng Liên (02 hồ sơ).	- Hộ khẩu thường trú: 16 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, Quận 1. - Địa chỉ kiểm kê: không số, tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
32	Hộ Đinh Thị Tường Nga (chồng Phạm Mạnh Hùng)	- Địa chỉ thường trú: 49A đường Hậu Giang, phường 4, Quận Tân Bình. - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 8, KP3, P. Tăng Nhơn Phú

		B, Quận 9
33	Hộ Lương Văn Sinh	- Địa chỉ thường trú: 197/33E Lý Thường Kiệt, Phường 7, Q.Gò Vấp - Địa chỉ kiểm kê: tổ 8, KP3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
34	Hộ Lê Hùng Chung	- Địa chỉ thường trú: 95 đường 17, khu phố 4, Phường 11, quận Gò Vấp. - Địa chỉ kiểm kê: 15/393A KP4, Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
35	Hộ Cao Thị Tùng	- Địa chỉ thường trú: 1/391C, KP3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 1/391C, KP3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
36	Hộ Nguyễn Hữu Trường	- Địa chỉ thường trú: 33 đường 249, tổ 3, khu phố 4, phường Tân Phú, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: Không số, Tổ 8, KP3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
37	Hộ ông Vũ Duy Tám	- Địa chỉ thường trú: 19B tổ 5, Làng Tăng Phú, KP4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: Nhà không số, KP4, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
38	Hộ Mai Thị Mai	- Địa chỉ thường trú: 16A Cửu Long, Phường 2, Q. Tân Bình - Địa chỉ kiểm kê: khu phố 4, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
39	Hộ Lưu Thị Kim Anh	- Địa chỉ thường trú: 4/9 Tân Hương , Phường 16, quận Tân Bình. - Địa chỉ kiểm kê: tổ 3, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9
40	Hộ Chu Thị Hưng (người đi khiếu kiện: Tô Ngọc Vượng – anh rể bà Chu Thị Hưng)	- Địa chỉ thường trú: 304/93 Hồ Văn Huê, Phường 9, Q.Phú Nhuận - Địa chỉ kiểm kê: KP4, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
41	Hộ Lê Thường	- Địa chỉ thường trú: 12/5 Tổ 4, KP5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 - Địa chỉ kiểm kê: 12/5 Tổ 4, KP5, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
42	Hộ Lương Văn Tấn	- Địa chỉ thường trú: 1/306 Bung Ông Toàn, tổ 8,

		KP3, P. TNPB, Q.9 - Địa chỉ kiểm kê: nt
43	Hộ Lê Văn Bê	- Địa chỉ thường trú: 25/46 tổ 1, đường 6, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9. - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
44	Hộ Lê Thị Hai	- Địa chỉ thường trú: 119 Lê Văn Chí, tổ 7, khu phố 3, phường Linh Trung, Q. Thủ Đức. - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
45	Hộ Nguyễn Xuân Ngũ	- Địa chỉ thường trú: 40A-42A Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q. Gò Vấp - Địa chỉ kiểm kê: 166/6 tổ 6, KP. Mỹ Thành, P. Long Thạnh Mỹ, Quận 9.
46	Hộ Lê Văn Kiêm	- Địa chỉ thường trú: 23 tổ 16, KP3, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức - Địa chỉ kiểm kê: Tổ 8, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
47	Hộ Lương Lâm Thông	- Địa chỉ thường trú: 4/77 Trần Khắc Trân, phường Tân Định, Quận 1. (Nhà bán năm 2005). - Địa chỉ kiểm kê: không số tổ 8, KP3, P.Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.
48	Hộ Nguyễn Thị Ngọc Xuân	- Địa chỉ thường trú: 574A Lê Quang Định, Phường 1, Q.Gò Vấp. - Địa chỉ kiểm kê: không số, tổ 8, Mỹ Thành, P.Long Thạnh Mỹ, Quận 9.
49	Hộ Lê Hòa	Địa chỉ thường trú: 574B Lê Quang Định, Phường 1, quận Gò Vấp. Địa chỉ kiểm kê: 168 tổ 8, Lã Xuân Oai, Mỹ Thành, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9